

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 04/2022/DSST.

Ngày: 18/4/2022.

(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Văn Cương; ông Lê Quang Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên .

Ngày 18/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 102/2022/TLST- DS ngày 23/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Tòa nhà Thái H, 210 T, phường T, quận H Hà nội.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Phạm Doãn S; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Hoàng Văn C, sinh ngày 26/11/1990

Địa chỉ: phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Chức vụ: Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng TMCP B- V. Vắng mặt

2. Ông Hoàng Công Anh T, sinh ngày 08/8/1993

Địa chỉ: thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Chức vụ: Chuyên viên phòng Giao dịch Ngân hàng TMCP B- Vinh. Có mặt.

- *Bị đơn:*

1. bà Trần Thị H, sinh năm 1981 và ông Phạm Văn Q, sinh năm 1979

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B (sau đây viết tắt là Ngân hàng L) và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở chi nhánh Ngân hàng L, bà Trần Thị H, ông Phạm Văn Q và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng tín dụng số HDTD431201858. Nội dung hợp đồng là phía Ngân hàng cho vợ chồng ông Q bà H vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) để làm vốn chăn nuôi phát triển kinh tế. Lãi suất vay trong hợp đồng là 15%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ là ngày 10/7/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 20/11/2020 thì vợ chồng ông Q, bà H đã thanh toán được 10.278.477 đồng tiền lãi và 37.530.000 đồng tiền gốc; sau đó vào ngày 23/3/2022, thông qua người thân, vợ chồng ông bà tiếp tục thanh toán được thêm một số tiền là 3.000.000 đồng. Cụ thể, tính đến ngày 18/04/2022, số nợ gốc bà Trần Thị H và ông Phạm Văn Q còn nợ và phải thanh toán là 9.469.947 đồng (chín triệu bốn trăm sáu chín nghìn chín trăm bốn bảy). Tiền nợ lãi tính đến ngày 18/4/2022 gồm: lãi trong hạn: 2.767.310 đồng (hai triệu bảy trăm sáu bảy nghìn ba trăm mười); Lãi quá hạn là: 801.719 đồng (tám trăm linh một nghìn bảy trăm mười chín)

Tổng cả gốc và lãi là: 13.038.976 đồng (mười ba triệu không trăm ba tám nghìn chín trăm bảy sáu)

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị H và ông Phạm Văn Q chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng L khoản tiền nói trên. Sau khi xét xử, đề nghị Tòa án buộc ông Q, bà H tiếp tục chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn không hợp tác với Tòa án, không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự, lập hồ sơ đầy đủ, đúng pháp luật. Mặc dù bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án- Thẩm phán, Hội đồng xét xử vẫn thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử. Bị đơn dù được giao nhận hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa

án nhưng vẫn không chấp hành, không hợp tác với Tòa án; Đây là phiên tòa lần thứ hai nên việc xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng L số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 13.038.976 đồng và tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Các đương sự tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn tại xã Nc, huyện N, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD431201858 kí kết ngày 10/7/2018, bị đơn đã vay nguyên đơn 50.000.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng; toàn bộ số tiền đã được giải ngân ngày 10/7/2018. Quá trình vay nợ, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, không trả nợ đúng hạn, đúng kì dẫn đến nợ quá hạn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn không hợp tác làm việc nên không có lời khai, lời trình bày, ý kiến gì; Cả ông Q, bà H đều vắng mặt tại địa phương, không cất chuyển hộ khẩu, không khai báo tạm vắng. Tòa án đã niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng của Tòa án, niêm yết các quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

2. Về nội dung:

+ Hợp đồng số HDTD431201858 kí kết ngày 10/7/2018, mục đích vay là để phát triển chăn nuôi giữa bà H, ông Q và ngân hàng L được thiết lập cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật và đã được giải ngân, kí nợ. Do đó xác định đây là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên nên cần căn cứ vào các điều khoản đã quy định trong hợp đồng để xem xét giải quyết.

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

{1} Đối với yêu cầu buộc thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét yêu cầu đòi số tiền nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng HDTD431201858 thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q, bà H vay 50.000.000 đồng

Việt nam vào ngày 10/7/2018 và bị đơn cũng chỉ trả được một phần nợ lãi, nay tổng số tiền gốc còn nợ của Hợp đồng là 9.469.947 đồng. Nội dung này thể hiện trong hợp đồng, trong sổ lưu từ rồi theo dõi nợ; sau khi nhận được thông báo thụ lý, bản sao biên bản phiên họp Giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, cả ông Q, bà H đều không có ý kiến phản hồi nên cần chấp nhận để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị H và ông Phạm Văn Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn đó là có cơ sở, cần chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Hợp đồng tín dụng ghi lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 15%/năm tương đương 1,25%/tháng. Nếu phát sinh nợ gốc quá hạn thì phải chịu lãi suất quá hạn tương đương 1,875%/tháng.

Cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền lãi tính đến ngày 18/4/2022:

- Lãi trong hạn 2.767.310 đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 801.719 đồng.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, gia đình bà H không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hạn (lần trả cuối trong hạn là 20/11/2020 và ngày 23/3/2022, khi ngân hàng đã khởi kiện thì trả tiếp 3.000.000 đồng tiền nợ gốc). Như vậy, căn cứ theo hợp đồng thì kể từ ngày 30/11/2020, số tiền gốc chưa trả đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn. Tuy nhiên, trước khi xét xử, bị đơn đã thanh toán thêm được một khoản tiền nên được ghi nhận trả vào nợ gốc. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi (cả trong hạn, cả quá hạn) tính từ ngày 30/11/2020 cho đến ngày xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn là thỏa đáng. Căn cứ vào điểm b, mục 1 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao; theo án lệ số 08/2016/AL mà Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17.10.2016 và được công bố theo quyết định 698/QĐ- CA ngày 17.10.2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì: "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Như vậy, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

Ngoài ra, hợp đồng tín dụng trên thuộc diện tín chấp, không có tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 13.038.976 đồng và được Tòa án chấp nhận; Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Tòa án cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 116; Điều 117; Điều 288; Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về Lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

{1} Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B:

Buộc bà Trần Thị H và ông Phạm Văn Q phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền nợ là 13.038.976 đồng (mười ba triệu không trăm ba tám nghìn chín trăm bảy sáu); Cụ thể:

- Nợ gốc là 9.469.947 đồng (chín triệu bốn trăm sáu chín nghìn chín trăm bốn bảy) ;

- Tiền lãi tính đến ngày 18/4/2022 : lãi trong hạn: 2.767.310 đồng (hai triệu bảy trăm sáu bảy nghìn ba trăm mười); Lãi quá hạn là: 801.719 đồng (tám trăm linh một nghìn bảy trăm mười chín)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị H và ông Phạm Văn Q còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP B.

{2} Về án phí:

Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn Q phải chịu 651.948 đồng (sáu trăm năm một nghìn chín trăm bốn mươi tám) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai thu số 0005110 ngày 22/11/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKS ND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện Nghi Lộc;
- L- u hồ sơ.

T/M HỌI □□NG X□T X□ S□ THỘM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Loan Hòa